

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
KHÓA 6 (2010 - 2014) ĐỢT 1 THÁNG 8 NĂM 2014 - ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HCM
NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

Kèm theo Quyết định số: 4692 / QĐ - ĐHLĐXH ngày 11 / 11 / 2014 của Hiệu trưởng

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
1	10401020	Trần Ngọc	Diễm	Nữ	ĐH10NL1	22/09/1992	Thái Bình	7.14	Khá	
2	10401025	Phạm Minh	Đồng	Nam	ĐH10NL1	20/07/1990	Quảng Nam	6.92	Trung bình khá	
3	10401029	Bùi Thị Trang Mỹ	Dung	Nữ	ĐH10NL1	15/02/1992	Bến Tre	7.67	Khá	
4	10401036	Đặng Phạm Thái	Duy	Nữ	ĐH10NL1	17/01/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.80	Trung bình khá	
5	10401041	Biện Thị	Giang	Nữ	ĐH10NL1	08/03/1992	Nghệ An	7.09	Khá	
6	10401044	Bùi Thị	Giang	Nữ	ĐH10NL1	19/07/1992	Nghệ An	7.46	Khá	
7	10401053	Trần Thị	Hải	Nữ	ĐH10NL1	21/05/1991	Thanh Hóa	7.61	Khá	
8	10401060	Trần Thị Kim	Hằng	Nữ	ĐH10NL1	02/02/1992	Bình Phước	6.81	Trung bình khá	
9	10401062	Nguyễn Lệ	Hằng	Nữ	ĐH10NL1	15/12/1991	Đắk Lắk	6.45	Trung bình khá	
10	10401064	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	ĐH10NL1	05/10/1992	Nghệ An	7.14	Khá	
11	10401066	Trần Thị	Hiên	Nữ	ĐH10NL1	10/07/1992	Hà Tĩnh	6.43	Trung bình khá	
12	10401068	Biện Thị	Hiên	Nữ	ĐH10NL1	05/05/1992	Hà Tĩnh	7.06	Khá	
13	10401070	Phan Thị	Hoa	Nữ	ĐH10NL1	20/08/1992	Phú Thọ	6.68	Trung bình khá	
14	10401072	Phạm Thị	Hòa	Nữ	ĐH10NL1	06/01/1992	Quảng Ngãi	7.85	Khá	
15	10401074	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	ĐH10NL1	15/10/1991	Hưng Yên	7.12	Khá	
16	10401076	Lý Thị	Hợp	Nữ	ĐH10NL1	05/06/1991	Phủ Yên	7.14	Khá	
17	10401081	Phạm Đình	Hùng	Nam	ĐH10NL1	16/04/1992	Đắk Lắk	6.43	Trung bình khá	
18	10401083	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	ĐH10NL1	03/04/1990	Thanh Hóa	6.76	Trung bình khá	
19	10401085	Dương Thị Như	Hương	Nữ	ĐH10NL1	26/06/1992	Quảng Trị	7.86	Khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
20	10401090	Trịnh Thị Xuân	Huyền	Nữ	ĐH10NL1	11/09/1992	Tp. Hồ Chí Minh	8.47	Giỏi	
21	10401091	Nguyễn Xuân	Khánh	Nam	ĐH10NL1	30/05/1992	Nghệ An	6.72	Trung bình khá	
22	10401095	Vũ Thị Kim	Khuyên	Nữ	ĐH10NL1	24/09/1992	Kon Tum	7.33	Khá	
23	10401104	Hồ Thị Mỹ	Linh	Nữ	ĐH10NL1	23/10/1992	Quảng Bình	6.97	Trung bình khá	
24	10401108	Phan Thị	Loan	Nữ	ĐH10NL1	11/07/1991	Nghệ An	6.69	Trung bình khá	
25	10401113	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	ĐH10NL1	05/06/1992	Nghệ An	7.09	Khá	
26	10401116	Bùi Thị Kim	Ly	Nữ	ĐH10NL1	30/08/1992	Nam Định	6.92	Trung bình khá	
27	10401118	Phan Thị Thu	Lý	Nữ	ĐH10NL1	08/07/1992	Phú Yên	7.45	Khá	
28	10401124	Phạm Thị Diễm	Mi	Nữ	ĐH10NL1	16/10/1992	Bình Định	6.70	Trung bình khá	
29	10401129	Trần Mai Thiên	Nam	Nữ	ĐH10NL1	09/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.73	Trung bình khá	
30	10401132	Nguyễn Văn	Nam	Nam	ĐH10NL1	28/02/1990	Thanh Hóa	6.36	Trung bình khá	
31	10401135	Trần Thị	Ngân	Nữ	ĐH10NL1	06/06/1992	Hà Tĩnh	7.00	Khá	
32	10401137	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	ĐH10NL1	02/06/1990	Đắk Lắk	7.22	Khá	
33	10401146	Đàm Thị	Nguyệt	Nữ	ĐH10NL1	11/11/1991	Bình Phước	7.09	Khá	
34	10401149	Hồ Thị Linh	Nhâm	Nữ	ĐH10NL1	10/10/1992	Nghệ An	7.09	Khá	
35	10401155	Nguyễn Văn	Nhị	Nam	ĐH10NL1	06/09/1991	Nam Định	6.55	Trung bình khá	
36	10401157	Hoàng Thị	Như	Nữ	ĐH10NL1	15/05/1991	Hà Tĩnh	6.72	Trung bình khá	
37	10401161	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	ĐH10NL1	02/07/1992	Nghệ An	6.78	Trung bình khá	
38	10401165	Đinh Thị	Nhung	Nữ	ĐH10NL1	06/07/1991	Bắc Ninh	7.61	Khá	
39	10401171	Trương Văn	Phép	Nam	ĐH10NL1	16/11/1991	Thái Bình	6.79	Trung bình khá	
40	10401174	Bùi Thị	Phương	Nữ	ĐH10NL1	25/03/1991	Bình Phước	6.89	Trung bình khá	
41	10401175	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	ĐH10NL1	16/11/1991	Thanh Hóa	7.00	Khá	
42	10401182	Nguyễn Xuân	Quốc	Nam	ĐH10NL1	01/07/1992	Phú Yên	6.33	Trung bình khá	
43	10401185	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	ĐH10NL1	17/02/1992	Hà Nội	6.84	Trung bình khá	
44	10401188	Thái Hoàng Anh	Quyên	Nữ	ĐH10NL1	27/01/1991	Tp. Hồ Chí Minh	6.61	Trung bình khá	
45	10401190	Nguyễn Thanh	Son	Nữ	ĐH10NL1	06/06/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.70	Khá	
46	10401192	Long Vy Ngân	Sương	Nữ	ĐH10NL1	09/01/1992	Lâm Đồng	7.51	Khá	
47	10401194	Thái Thị	Tâm	Nữ	ĐH10NL1	10/12/1992	Nghệ An	6.63	Trung bình khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
48	10401196	La Thành	Tâm	Nam	ĐH10NL1	04/11/1992	Đắk Lắk	7.11	Khá	
49	10401199	Hoàng Văn	Thắng	Nam	ĐH10NL1	26/09/1989	Bình Phước	7.32	Khá	
50	10401204	Nguyễn Thị	Thành	Nữ	ĐH10NL1	01/09/1992	Kon Tum	6.80	Trung bình khá	
51	10401208	Phan Thị Phương	Thảo	Nữ	ĐH10NL1	24/04/1991	Hà Tĩnh	6.53	Trung bình khá	
52	10401210	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	ĐH10NL1	11/03/1992	Hà Tĩnh	7.30	Khá	
53	10401212	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	ĐH10NL1	11/10/1992	Nghệ An	6.14	Trung bình khá	
54	10401218	Phan Thị	Thom	Nữ	ĐH10NL1	16/12/1992	Nghệ An	6.48	Trung bình khá	
55	10401220	Trần Thị	Thu	Nữ	ĐH10NL1	29/01/1990	Nam Định	7.79	Khá	
56	10401225	Nguyễn Đặng Như	Thương	Nữ	ĐH10NL1	22/10/1992	Bình Định	6.85	Trung bình khá	
57	10401227	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	ĐH10NL1	20/07/1991	Thanh Hóa	6.60	Trung bình khá	
58	10401230	Trịnh Thị	Thùy	Nữ	ĐH10NL1	07/02/1992	Thanh Hóa	6.89	Trung bình khá	
59	10401232	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	ĐH10NL1	13/03/1992	Hà Tĩnh	7.32	Khá	
60	10401235	Lê Thị	Thùy	Nữ	ĐH10NL1	20/10/1992	Thanh Hóa	7.70	Khá	
61	10401237	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	ĐH10NL1	18/09/1992	Hà Nội	7.99	Khá	
62	10401242	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	ĐH10NL1	17/12/1992	Thanh Hóa	6.01	Trung bình khá	
63	10401244	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	ĐH10NL1	14/02/1992	Bến Tre	7.10	Khá	
64	10401246	Dương Thị Minh	Trang	Nữ	ĐH10NL1	26/04/1992	Tp. Nam Định	7.93	Khá	
65	10401248	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	ĐH10NL1	14/05/1992	Tiền Giang	7.62	Khá	
66	10401251	Đặng Huyền	Trinh	Nữ	ĐH10NL1	02/11/1992	Tp. Vũng Tàu	6.44	Trung bình khá	
67	10401256	Lê Thị	Tú	Nữ	ĐH10NL1	10/09/1992	Thanh Hóa	7.32	Khá	
68	10401260	Trần Thị	Tươi	Nữ	ĐH10NL1	08/03/1992	Nam Định	7.26	Khá	
69	10401262	Vũ Thị ánh	Tuyết	Nữ	ĐH10NL1	17/01/1991	Quảng Ninh	7.02	Khá	
70	10401266	Đặng	Việt	Nam	ĐH10NL1	25/12/1992	Bình Định	7.51	Khá	
71	10401003	Huỳnh Thị Kim	Anh	Nữ	ĐH10NL2	11/02/1992	Đắk Lắk	7.11	Khá	
72	10401011	Nguyễn Thị	Cầu	Nữ	ĐH10NL2	21/03/1991	Hà Tĩnh	7.30	Khá	
73	10401015	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	ĐH10NL2	13/09/1992	Hà Tĩnh	7.25	Khá	
74	10401021	Bùi Ngọc	Diễm	Nữ	ĐH10NL2	25/02/1992	Đồng Nai	6.98	Trung bình khá	
75	10401022	Đoàn Huỳnh Ngọc	Diễm	Nữ	ĐH10NL2	01/01/1992	Tiền Giang	7.53	Khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
76	10401026	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	ĐH10NL2	17/09/1991	Nghệ An	6.31	Trung bình khá	
77	10401028	Nguyễn Thị Thủy	Dung	Nữ	ĐH10NL2	14/01/1992	Sông Bé	6.60	Trung bình khá	
78	10401030	Hồ Thị Thủy	Dung	Nữ	ĐH10NL2	21/12/1991	Nghệ An	7.42	Khá	
79	10401037	Nguyễn Hữu	Duy	Nam	ĐH10NL2	25/07/1991	Bến Tre	7.19	Khá	
80	10401040	Dương Thị	Giang	Nữ	ĐH10NL2	15/02/1991	Hà Tĩnh	6.95	Trung bình khá	
81	10401046	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	ĐH10NL2	06/08/1992	Đồng Nai	6.35	Trung bình khá	
82	10401052	Trịnh Văn	Hải	Nam	ĐH10NL2	19/07/1991	Nghệ An	6.97	Trung bình khá	
83	10401056	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	ĐH10NL2	08/10/1992	Thanh Hóa	7.11	Khá	
84	10401059	Đinh Thị	Hằng	Nữ	ĐH10NL2	24/06/1992	Hà Nam	7.65	Khá	
85	10401063	Nguyễn Xuân	Hành	Nam	ĐH10NL2	03/06/1992	Hà Tĩnh	6.77	Trung bình khá	
86	10401065	Trần Thị Ngọc	Hiền	Nữ	ĐH10NL2	10/11/1992	Tây Ninh	6.46	Trung bình khá	
87	10401067	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	ĐH10NL2	03/02/1992	Hà Tĩnh	6.95	Trung bình khá	
88	10401069	Trương Công	Hiếu	Nam	ĐH10NL2	12/06/1991	Quảng Trị	7.00	Khá	
89	10401073	Trần Văn	Hoàng	Nam	ĐH10NL2	26/08/1990	Nghệ An	6.85	Trung bình khá	
90	10401075	Hồ Thị	Hồng	Nữ	ĐH10NL2	06/01/1992	Nghệ An	7.30	Khá	
91	10401080	Đặng Thị Thanh	Huệ	Nữ	ĐH10NL2	22/02/1992	Gia Lai	7.04	Khá	
92	10401084	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	ĐH10NL2	12/08/1992	Bắc Ninh	6.55	Trung bình khá	
93	10401086	Phạm Thuý	Hường	Nữ	ĐH10NL2	25/02/1992	Hưng Yên	7.05	Khá	
94	10401088	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	ĐH10NL2	12/02/1992	Hà Tĩnh	6.90	Trung bình khá	
95	10401094	Vũ Bá	Khoa	Nam	ĐH10NL2	28/12/1991	Thanh Hóa	6.73	Trung bình khá	
96	10401096	Trần Thị	Khuyên	Nữ	ĐH10NL2	11/03/1991	Hà Nội	6.85	Trung bình khá	
97	10401105	Trần Thị	Linh	Nữ	ĐH10NL2	16/06/1991	Thanh Hóa	6.52	Trung bình khá	
98	10401112	Bùi Thị	Lực	Nữ	ĐH10NL2	01/05/1992	Quảng Ngãi	6.89	Trung bình khá	
99	10401114	Lê Thị	Lương	Nữ	ĐH10NL2	10/03/1992	Nam Định	6.25	Trung bình khá	
100	10401117	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	ĐH10NL2	14/01/1992	Đắk Lắk	8.13	Giỏi	
101	10401119	Hồ Phương	Mai	Nữ	ĐH10NL2	21/07/1992	Đồng Nai	6.94	Trung bình khá	
102	10401121	Hoàng Thị	Mai	Nữ	ĐH10NL2	06/02/1991	Thanh Hóa	6.86	Trung bình khá	
103	10401128	Hoàng Thị	Na	Nữ	ĐH10NL2	17/01/1991	Thanh Hóa	6.33	Trung bình khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
104	10401134	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	ĐH10NL2	18/01/1992	Phú Yên	7.28	Khá	
105	10401140	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	ĐH10NL2	20/11/1992	Quảng Ngãi	7.46	Khá	
106	10401142	Ngô Bảo	Ngọc	Nữ	ĐH10NL2	10/08/1992	Hưng Yên	6.73	Trung bình khá	
107	10401145	Hoàng Thị Như	Ngọc	Nữ	ĐH10NL2	29/11/1992	Đồng Nai	7.33	Khá	
108	10401148	Đào Quang	Nhâm	Nam	ĐH10NL2	28/08/1992	Nghệ An	6.52	Trung bình khá	
109	10401150	Ngô Thanh	Nhân	Nam	ĐH10NL2	14/01/1992	Đồng Nai	6.46	Trung bình khá	
110	10401158	Trần Thị	Như	Nữ	ĐH10NL2	20/06/1992	Hà Tĩnh	7.32	Khá	
111	10401160	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	ĐH10NL2	09/03/1991	Hà Tĩnh	7.07	Khá	
112	10401162	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	ĐH10NL2	18/01/1992	Hà Nam	7.65	Khá	
113	10401166	Đặng Thị Kiều	Nương	Nữ	ĐH10NL2	20/09/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.18	Khá	
114	10401168	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	ĐH10NL2	05/03/1992	Nghệ An	6.37	Trung bình khá	
115	10401170	Trần Tấn	Phát	Nam	ĐH10NL2	12/05/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.94	Trung bình khá	
116	10401173	Lê Mai	Phuong	Nữ	ĐH10NL2	04/04/1992	Tây Ninh	6.69	Trung bình khá	
117	10401176	Nguyễn Thị Mỹ	Phuong	Nữ	ĐH10NL2	03/08/1992	Long An	7.82	Khá	
118	10401179	Lê Minh	Quân	Nam	ĐH10NL2	19/05/1992	Đồng Nai	6.71	Trung bình khá	
119	10401181	Phạm Thị Mỹ	Quý	Nữ	ĐH10NL2	20/10/1992	Quảng Ngãi	7.20	Khá	
120	10401184	Trần Thị út	Quyên	Nữ	ĐH10NL2	10/06/1992	Bình Định	6.24	Trung bình khá	
121	10401187	Hà Ngọc Trường	Quyên	Nữ	ĐH10NL2	20/11/1992	Phú Yên	7.45	Khá	
122	10401191	Lê Thị	Sương	Nữ	ĐH10NL2	10/07/1992	Nghệ An	6.44	Trung bình khá	
123	10401195	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	ĐH10NL2	15/12/1992	Hưng Yên	7.42	Khá	
124	10401197	Trương Văn	Tâm	Nam	ĐH10NL2	15/08/1991	Thái Bình	6.33	Trung bình khá	
125	10401203	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	ĐH10NL2	18/01/1992	Nghệ An	7.04	Khá	
126	10401207	Đặng Phúc	Thành	Nam	ĐH10NL2	19/09/1992	Thừa Thiên Huế	6.45	Trung bình khá	
127	10401209	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	ĐH10NL2	30/12/1991	Bình Phước	7.30	Khá	
128	10401214	Nguyễn Quang	Thiện	Nam	ĐH10NL2	01/12/1991	Hà Tĩnh	6.93	Trung bình khá	
129	10401217	Hoàng Minh	Thoại	Nam	ĐH10NL2	12/10/1992	Bắc Giang	7.07	Khá	
130	10401219	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	ĐH10NL2	10/12/1992	Bình Định	7.45	Khá	
131	10401221	Nguyễn Lê	Thu	Nữ	ĐH10NL2	14/07/1992	Hà Nam	7.12	Khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
132	10401226	Nguyễn Thị	Thường	Nữ	ĐH10NL2	25/12/1992	Hà Tĩnh	7.04	Khá	
133	10401229	Trương Thị	Thùy	Nữ	ĐH10NL2	02/05/1991	Thanh Hóa	6.65	Trung bình khá	
134	10401231	Nguyễn Văn	Thùy	Nam	ĐH10NL2	16/02/1991	Thanh Hóa	6.36	Trung bình khá	
135	10401233	Nguyễn Thị Như	Thùy	Nữ	ĐH10NL2	13/08/1992	Đồng Nai	7.34	Khá	
136	10401236	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	ĐH10NL2	02/10/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.82	Khá	
137	10401238	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	ĐH10NL2	08/05/1992	Tây Ninh	7.63	Khá	
138	10401241	Lý Thanh	Toàn	Nam	ĐH10NL2	16/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.33	Khá	
139	10401243	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	Nữ	ĐH10NL2	20/08/1992	Ninh Thuận	6.79	Trung bình khá	
140	10401252	Trần Thị Thùy	Trình	Nữ	ĐH10NL2	26/12/1992	Tây Ninh	8.01	Giỏi	
141	10401261	Kim Thị	Tuyền	Nữ	ĐH10NL2	19/07/1992	Bình Phước	7.20	Khá	
142	10401263	Lê Thị	Vân	Nữ	ĐH10NL2	18/11/1992	Thanh Hóa	7.66	Khá	
143	10401265	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	ĐH10NL2	28/05/1991	Bình Định	8.19	Giỏi	
144	10401267	Hồ Văn	Vinh	Nam	ĐH10NL2	03/04/1992	Hà Tĩnh	6.16	Trung bình khá	
145	10401269	Nguyễn Tiến	Vượng	Nam	ĐH10NL2	16/09/1992	Gia Lai	6.79	Trung bình khá	

Tổng số sinh viên được công nhận tốt nghiệp: 145 sinh viên

Loại giỏi: 04

Loại khá: 71

Loại trung bình khá: 70



TS. Hà Xuân Hùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
KHÓA 6 (2010 - 2014) ĐỢT 1 THÁNG 8 NĂM 2014 - ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HCM
NGÀNH: KẾ TOÁN**

Kèm theo Quyết định số: 1692/QĐ - ĐHLĐXH ngày 11 / 11 /2014 của Hiệu trưởng

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
1	10402003	Phạm Thị	Anh	Nữ	ĐH10KT	04/09/1992	Hải Dương	7.82	Khá	
2	10402004	Lê Thị	Bành	Nữ	ĐH10KT	15/10/1991	Bến Tre	7.36	Khá	
3	10402005	Trần Thị	Châu	Nữ	ĐH10KT	01/02/1991	Thừa Thiên Huế	7.63	Khá	
4	10402007	Mai Thị Kim	Chung	Nữ	ĐH10KT	12/08/1992	Thanh Hóa	7.57	Khá	
5	10402009	Hoàng Thị	Doan	Nữ	ĐH10KT	27/01/1992	Hà Nam	6.88	Trung bình khá	
6	10402010	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	ĐH10KT	29/03/1992	Tây Ninh	7.97	Khá	
7	10402011	Hồ Phương	Dung	Nữ	ĐH10KT	12/09/1992	Đồng Nai	6.49	Trung bình khá	
8	10402014	Nguyễn Thị Phương	Duyên	Nữ	ĐH10KT	24/03/1992	TP Hồ Chí Minh	7.43	Khá	
9	10402015	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	ĐH10KT	02/02/1991	Long An	6.89	Trung bình khá	
10	10402018	Trương Thị Thương	Hải	Nữ	ĐH10KT	04/10/1992	Hà Tĩnh	7.31	Khá	
11	10402019	Trần Thu	Hằng	Nữ	ĐH10KT	14/04/1992	Huế	6.77	Trung bình khá	
12	10402021	Trần Thị Mỹ	Hiền	Nữ	ĐH10KT	13/09/1992	Phú Yên	8.49	Giỏi	
13	10402022	Lê Thị	Hoa	Nữ	ĐH10KT	25/11/1992	Nghệ An	7.17	Khá	
14	10402023	Hoàng Thị Ánh	Hoa	Nữ	ĐH10KT	21/09/1991	Đăklăk	8.07	Giỏi	
15	10402024	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	ĐH10KT	01/03/1992	Đăklăk	8.11	Giỏi	
16	10402026	Trần Thị	Huế	Nữ	ĐH10KT	01/11/1991	Nam Định	7.11	Khá	
17	10402027	Thành Thị Thu	Huệ	Nữ	ĐH10KT	01/06/1991	Ninh Thuận	7.26	Khá	
18	10402031	Đặng Thị Phương	Lan	Nữ	ĐH10KT	10/05/1991	Vũng Tàu	8.29	Giỏi	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
19	10402036	Trương Huỳnh Ngọc	Loan	Nữ	ĐH10KT	22/02/1992	Bình Thuận	7.55	Khá	
20	10402037	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	ĐH10KT	18/12/1992	Quảng Ngãi	8.34	Giỏi	
21	10402038	Đỗ Thị Sao	Mai	Nữ	ĐH10KT	11/12/1991	Hưng Yên	7.21	Khá	
22	10402039	Trần Thị	Mai	Nữ	ĐH10KT	05/07/1992	Hà Tĩnh	7.91	Khá	
23	10402047	Lương Thị Kim	Ngân	Nữ	ĐH10KT	15/08/1992	Tây Ninh	8.01	Giỏi	
24	10402048	Nguyễn Thị Hải	Nguyên	Nữ	ĐH10KT	19/08/1992	Hải Dương	6.94	Trung bình khá	
25	10402049	Nguyễn Thị	Nhân	Nữ	ĐH10KT	23/09/1992	Nam Định	8.22	Giỏi	
26	10402052	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	ĐH10KT	07/03/1992	Hà Nội	7.97	Khá	
27	10402054	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	ĐH10KT	27/12/1991	Cần Thơ	6.76	Trung bình khá	
28	10402055	Nguyễn Thị Kim	Nơ	Nữ	ĐH10KT	10/12/1992	Bình Định	6.96	Trung bình khá	
29	10402056	Châu Thị Mỹ	Ny	Nữ	ĐH10KT	03/12/1992	Lâm Đồng	7.31	Khá	
30	10402057	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	ĐH10KT	10/07/1992	Nghệ An	7.98	Khá	
31	10402061	Đỗ Tuyết	Phương	Nữ	ĐH10KT	22/12/1990	Bình Phước	7.55	Khá	
32	10402062	Trần Thị Kiều	Phương	Nữ	ĐH10KT	28/11/1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.46	Khá	
33	10402063	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	ĐH10KT	12/06/1992	Hà Tĩnh	6.83	Trung bình khá	
34	10402064	Phạm Thị	Phượng	Nữ	ĐH10KT	04/09/1992	Hải Dương	7.72	Khá	
35	10402067	Nguyễn Thị	Son	Nữ	ĐH10KT	01/10/1992	Nghệ An	6.79	Trung bình khá	
36	10402068	Nguyễn Thị Thảo	Sương	Nữ	ĐH10KT	02/12/1991	Tây Ninh	6.88	Trung bình khá	
37	10402069	Võ Thị Thảo	Tâm	Nữ	ĐH10KT	20/03/1992	Quảng Ngãi	7.15	Khá	
38	10402072	Đậu Thị	Thắm	Nữ	ĐH10KT	19/02/1992	Nghệ An	7.25	Khá	
39	10402076	Mai Thị Bích	Thảo	Nữ	ĐH10KT	28/05/1992	TP Hồ Chí Minh	7.01	Khá	
40	10402077	Đặng Thị Thu	Thảo	Nữ	ĐH10KT	16/08/1992	TP Hồ Chí Minh	7.62	Khá	
41	10402081	Lương Thị	Thu	Nữ	ĐH10KT	21/08/1992	Đăklăk	7.83	Khá	
42	10402084	Hoàng Thị Ngọc	Thùy	Nữ	ĐH10KT	22/01/1991	Đắk Nông	6.83	Trung bình khá	
43	10402087	Trần Trung	Thùy	Nữ	ĐH10KT	06/04/1992	Hà Nội	7.05	Khá	
44	10402090	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	Nữ	ĐH10KT	15/08/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.58	Khá	
45	10402091	Trần Thị Thuý	Trang	Nữ	ĐH10KT	08/11/1992	Hà Tĩnh	6.73	Trung bình khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
46	10402092	Vũ Thị	Trang	Nữ	ĐH10KT	20/09/1992	Nam Định	6.54	Trung bình khá	
47	10402093	Lê Thu	Trang	Nữ	ĐH10KT	05/08/1992	Thanh Hóa	6.60	Trung bình khá	
48	10402096	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	Nữ	ĐH10KT	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.33	Khá	
49	10402097	Nguyễn Hà Mỹ	Tú	Nữ	ĐH10KT	14/04/1992	Tp. Hồ Chí Minh	7.48	Khá	
50	10402099	Ngô Thị	Tuyết	Nữ	ĐH10KT	20/04/1992	Nghệ An	7.27	Khá	
51	10402104	Phạm Thị	Vân	Nữ	ĐH10KT	02/10/1991	Thái Bình	8.06	Giỏi	
52	10402106	Hà Thị Tường	Vi	Nữ	ĐH10KT	25/08/1991	Đồng Tháp	8.25	Giỏi	
53	10402107	Lê Diễm	Xuân	Nữ	ĐH10KT	29/12/1992	Long An	8.42	Giỏi	
54	10402109	Phan Thị Ngọc	Xuyến	Nữ	ĐH10KT	06/06/1992	Bến Tre	7.21	Khá	
55	10402110	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	ĐH10KT	15/11/1992	Sông Bé	6.70	Trung bình khá	

Tổng số sinh viên được công nhận tốt nghiệp: 55 sinh viên

Loại giỏi: 10

Loại khá: 30

Loại trung bình khá: 15

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hà Xuân Hùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
KHÓA 6 (2010 - 2014) ĐỢT 1 THÁNG 8 NĂM 2014 - ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HCM
NGÀNH: BẢO HIỂM**

Kèm theo Quyết định số: 4692 / QĐ - ĐHLĐXH ngày 11 / 11 / 2014 của Hiệu trưởng

TT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
1	10501001	Đinh Thị	Chang	Nữ	ĐH10BH	02/01/1991	Tuyên Quang	7.21	Khá	
2	10501002	Mai Thị Kim	Chi	Nữ	ĐH10BH	02/02/1992	Đồng Nai	6.16	Trung bình khá	
3	10501003	Trần Văn	Chính	Nam	ĐH10BH	26/10/1992	Thanh Hóa	6.24	Trung bình khá	
4	10501006	Hoàng Thị Thùy	Dương	Nữ	ĐH10BH	24/06/1992	Nam Định	7.91	Khá	
5	10501007	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	ĐH10BH	01/01/1992	Quảng Trị	7.64	Khá	
6	10501008	Phạm Thị Ngọc	Giang	Nữ	ĐH10BH	11/03/1992	Quảng Bình	6.97	Trung bình khá	
7	10501010	Phạm Thị	Hằng	Nữ	ĐH10BH	10/05/1992	Gia Lai	7.57	Khá	
8	10501011	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	ĐH10BH	10/01/1991	Gia Lai	7.30	Khá	
9	10501014	Trần Thị	Hiền	Nữ	ĐH10BH	07/11/1992	Nghệ An	6.46	Trung bình khá	
10	10501020	Nguyễn Kim	Huệ	Nữ	ĐH10BH	30/11/1992	Bình Thuận	7.54	Khá	
11	10501022	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	ĐH10BH	08/08/1990	Thanh Hóa	7.25	Khá	
12	10501024	Nguyễn Xuân	Kệ	Nam	ĐH10BH	05/07/1991	Đắk Lắk	6.18	Trung bình khá	
13	10501027	Nguyễn Văn	Lâm	Nam	ĐH10BH	27/02/1991	Quảng Nam	6.74	Trung bình khá	
14	10501028	Nguyễn Minh	Lịch	Nam	ĐH10BH	03/06/1992	Thái Bình	6.83	Trung bình khá	
15	10501029	Trịnh Thị	Liên	Nữ	ĐH10BH	16/04/1992	Thanh Hóa	7.10	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
16	10501033	Nguyễn Thị Thúy	Linh	Nữ	ĐH10BH	25/11/1991	Phú Yên	7.66	Khá	
17	10501036	Dương Minh	Lợi	Nam	ĐH10BH	15/10/1991	Nghệ An	6.45	Trung bình khá	
18	10501037	Trần Hồng	Luyến	Nữ	ĐH10BH	02/02/1992	Bình Phước	7.08	Khá	
19	10501045	Đinh Thị	Nga	Nữ	ĐH10BH	29/05/1992	Hà Tây	6.74	Trung bình khá	
20	10501047	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	ĐH10BH	01/07/1992	Kiên Giang	7.19	Khá	
21	10501048	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	ĐH10BH	20/02/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.81	Khá	
22	10501051	Lương Thị	Nguyệt	Nữ	ĐH10BH	28/01/1991	Hà Tĩnh	7.17	Khá	
23	10501050	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	ĐH10BH	01/10/1991	Thanh Hóa	8.16	Giỏi	
24	10501054	Phạm Thị Yến	Nhung	Nữ	ĐH10BH	19/05/1992	Bình Phước	6.74	Trung bình khá	
25	10501055	Phan Thị	Nhung	Nữ	ĐH10BH	26/10/1992	Đắk Nông	6.84	Trung bình khá	
26	10501056	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	Nam	ĐH10BH	23/10/1992	Long An	7.23	Khá	
27	10501057	Nguyễn Thị	Phẩm	Nữ	ĐH10BH	10/10/1992	Tiền Giang	6.74	Trung bình khá	
28	10501058	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	ĐH10BH	10/02/1990	Nghệ An	6.69	Trung bình khá	
29	10501060	Trần Thị Diễm	Phương	Nữ	ĐH10BH	26/08/1992	Bến Tre	6.93	Trung bình khá	
30	10501059	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	ĐH10BH	13/03/1991	Đồng Nai	7.92	Khá	
31	10501063	Doãn Thị	Quyên	Nữ	ĐH10BH	01/03/1992	Thanh Hóa	7.04	Khá	
32	10501067	Phạm Thị	Soa	Nữ	ĐH10BH	10/03/1992	Hà Tĩnh	7.34	Khá	
33	10501068	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	ĐH10BH	21/04/1991	TP Hồ Chí Minh	6.63	Trung bình khá	
34	10501069	Trần Hữu	Tân	Nam	ĐH10BH	10/08/1991	Quảng Trị	7.08	Khá	
35	10501073	Trần Thị Thu	Thơm	Nữ	ĐH10BH	30/10/1992	Khánh Hòa	7.44	Khá	
36	10501074	Dương Thị	Thu	Nữ	ĐH10BH	28/02/1991	Hà Tĩnh	7.97	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
37	10501075	Mai Thị	Thu	Nữ	ĐH10BH	12/07/1992	Thanh Hóa	7.70	Khá	
38	10501077	Lê Thị Hồng	Thùy	Nữ	ĐH10BH	12/06/1991	Phú Yên	7.57	Khá	
39	10501079	Mai Thị Lệ	Thùy	Nữ	ĐH10BH	17/10/1992	Quảng Trị	7.32	Khá	
40	10501076	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	ĐH10BH	21/07/1990	Thanh Hóa	7.53	Khá	
41	10501080	Nguyễn Thị Phước	Tiền	Nữ	ĐH10BH	04/08/1992	Quảng Ngãi	7.54	Khá	
42	10501085	Vũ Ngọc	Tú	Nữ	ĐH10BH	05/05/1992	Nam Định	7.14	Khá	
43	10501087	Phạm Thị	Tường	Nữ	ĐH10BH	07/08/1991	Thanh Hóa	7.90	Khá	
44	10501089	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	ĐH10BH	26/02/1992	Sông Bé	7.71	Khá	
45	10501090	Phạm Thị	Vân	Nữ	ĐH10BH	04/06/1991	Thanh Hóa	6.74	Trung bình khá	
46	10501092	Nguyễn Thị Thuý	Vy	Nữ	ĐH10BH	19/06/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.11	Khá	
47	10501093	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	ĐH10BH	15/08/1991	Cà Mau	7.33	Khá	
48	10501095	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	ĐH10BH	09/11/1992	TP Hồ Chí Minh	8.00	Giỏi	
49	10501094	Huỳnh Thị Hải	Yến	Nữ	ĐH10BH	28/09/1992	Quảng Ngãi	7.94	Khá	

Tổng số sinh viên được công nhận tốt nghiệp: 49 sinh viên

Loại giỏi: 2

Loại khá: 31

Loại trung bình khá: 16

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LAO ĐỘNG
XÃ HỘI

TS. Hà Xuân Hùng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
KHÓA 6 (2010 - 2014) ĐỢT 1 THÁNG 8 NĂM 2014 - ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HCM
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Kèm theo Quyết định số: 1692 / QĐ - ĐHLĐXH ngày 11 / 11 / 2014 của Hiệu trưởng

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
1	10502001	Phan Viết	Ân	Nam	ĐH10CT	05/05/1991	Hà Tĩnh	7.08	Khá	
2	10502003	Phạm Văn	Bình	Nam	ĐH10CT	15/01/1992	Nghệ An	6.44	Trung bình khá	
3	10502004	Nguyễn Thị Thanh	Bình	Nữ	ĐH10CT	12/12/1991	Hà Tĩnh	7.62	Khá	
4	10502007	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	ĐH10CT	20/05/1992	Thanh Hóa	7.11	Khá	
5	10502015	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	ĐH10CT	24/04/1991	Thanh Hóa	7.38	Khá	
6	10502026	Nguyễn Thị	Lụa	Nữ	ĐH10CT	20/10/1992	Thanh Hóa	7.04	Khá	
7	10502029	Trương Thị	Minh	Nữ	ĐH10CT	11/10/1992	Nghệ An	6.83	Trung bình khá	
8	10502037	Dương Thị	Nhung	Nữ	ĐH10CT	05/08/1992	Thanh Hóa	7.06	Khá	
9	10502040	Trần Thị Phương	Quyên	Nữ	ĐH10CT	10/06/1992	Nghệ An	7.25	Khá	
10	10502042	Lê Minh	Sơn	Nam	ĐH10CT	05/10/1992	Gia Lai	6.80	Trung bình khá	
11	10502050	Vũ Hồng	Thúy	Nữ	ĐH10CT	04/09/1991	Thanh Hóa	7.04	Khá	
12	10502051	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	ĐH10CT	11/06/1992	Bình Thuận	7.02	Khá	
13	10502053	Nguyễn Phạm Thu	Tín	Nữ	ĐH10CT	01/05/1992	Tây Ninh	7.60	Khá	
14	10502057	Nguyễn Văn	Tri	Nam	ĐH10CT	07/11/1990	Thanh Hóa	6.88	Trung bình khá	
15	10502060	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	ĐH10CT	17/05/1991	Hà Tĩnh	7.67	Khá	
16	10502064	Trần Thị	Yến	Nữ	ĐH10CT	14/10/1991	Thanh Hóa	7.39	Khá	
17	10502014	Hoàng Thị	Hằng	Nữ	ĐH10CT	15/11/1992	Quảng Ninh	7.58	Khá	

TT	MASV	Họ lót	Tên	GT	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTH Toàn khóa	Xếp hạng Tốt nghiệp	Ghi chú
18	10502017	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	ĐH10CT	25/03/1992	Quảng Nam	7.36	Khá	
19	10502028	Cái Thị Xuân	Mai	Nữ	ĐH10CT	30/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	8.60	Giỏi	
20	10502031	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	ĐH10CT	05/06/1992	Hà Tĩnh	7.90	Khá	
21	10502039	Đặng Thị	Quyên	Nữ	ĐH10CT	10/03/1990	Hà Nội	7.51	Khá	
22	10502043	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	ĐH10CT	01/03/1992	Nghệ An	7.62	Khá	
23	10502046	Võ Thị Thu	Thắng	Nữ	ĐH10CT	02/12/1992	Nghệ An	7.69	Khá	
24	10502047	Nguyễn Đình	Thành	Nam	ĐH10CT	28/04/1992	Thanh Hóa	7.75	Khá	
25	10502048	Lê Anh	Thế	Nam	ĐH10CT	07/04/1992	Bình Thuận	7.31	Khá	
26	10502049	Đặng Thị	Thương	Nữ	ĐH10CT	10/12/1992	Nghệ An	7.36	Khá	
27	10502052	Lê Thị	Tím	Nữ	ĐH10CT	05/01/1991	Hải Dương	7.55	Khá	
28	10502054	Phùng Thị	Tĩnh	Nữ	ĐH10CT	15/08/1992	Thanh Hóa	7.31	Khá	
29	10502056	Phạm Thị	Trang	Nữ	ĐH10CT	07/10/1991	Nghệ An	7.90	Khá	
30	10502058	Nhiều Hoàng Băng	Trình	Nữ	ĐH10CT	15/11/1992	Ninh Thuận	7.78	Khá	

Tổng số sinh viên được công nhận tốt nghiệp: 30 sinh viên

Loại giỏi: 1

Loại khá: 25

Loại trung bình khá: 4



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng